

Bảo Thắng, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Số: 19/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Bùi Văn L** - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: **Thôn V, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.**

Chị **Đoàn Thị T** - Sinh năm 1990.

Địa chỉ: **Thôn V, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Văn L** và chị **Đoàn Thị T** đều trình bày: Anh, chị sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2006, đến ngày 23/6/2008 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại **UBND xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai**. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, anh chị luôn bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến cãi nhau, cuộc sống chung không hòa thuận, hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Anh chị đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy đều yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa anh **Bùi Văn L** và chị **Đoàn Thị T** được chấm dứt kể từ ngày

quyết định này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Anh **Bùi Văn L** và chị **Đoàn Thị T** đều xác nhận quá trình chung sống có 02 con chung là cháu **Bùi Trung N** - Sinh ngày: 01/8/2014 và cháu **Bùi Văn Đ** – Sinh ngày: 06/7/2006 hiện tại hai cháu phát triển bình thường. Anh **L** và chị **T** thỏa thuận để anh **L** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Bùi Văn Đ**; Chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Bùi Trung N** cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị **Đoàn Thị T** và anh **Bùi Văn L** đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Chị **T** và anh **L** đều có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Xét thấy sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về lệ phí: Anh **Bùi Văn L** và chị **Đoàn Thị T** thỏa thuận để chị **T** chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Bùi Văn L** và chị **Đoàn Thị T**. Quan hệ hôn nhân giữa anh **Bùi Văn L** và chị **Đoàn Thị T** được chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Anh **Bùi Văn L** được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu **Bùi Văn Đ** - sinh ngày 06/7/2006; chị **Đoàn Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng trông nom, chăm sóc giáo dục con chung là cháu **Bùi Trung N** - sinh ngày 01/8/2014 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, chị **T** và anh **L** đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung;

Sau khi ly hôn chị **T** và anh **L** đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Chị **Đoàn Thị T** chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000917 ngày 18/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Chị **Đoàn Thị T** đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);

THẨM PHÁN

- Đương sự (2);
- UBND xã Xuân Giao;
- Chi cục THADS huyện Bảo Thắng;
- Lưu HS, TQĐ, VP.

Nguyễn Thị Hoàng Liên